

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 11/TPCAMN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Công nghệ Thực phẩm Châu Á miền Nam.

Địa chỉ: Lô đất số 102/103, số 8, đường số 5, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III (VSIP III), phường Tân Uyên, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 02862775565

E-mail: afotech@afotech.vn

Mã số doanh nghiệp: 0313304768

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng – ISO 9001:2015 số VN22/00000121.

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm – ISO 22000:2018 số VN22/00000169.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CUNG ĐÌNH HỮU TIỂU HƯƠNG VỊ NAM VANG.

2. Thành phần:

Vất sợi: Gạo, tinh bột khoai tây, chất làm dày (1404, 466, 412, 451(i)), gạo ST25 (16 g/kg), muối, chất nhũ hóa (475, 322(i)), chất chống oxy hóa (307b).

Gói gia vị: Nước, dầu cọ, muối, đường, chất điều vị (621, 631, 627, 364(ii), 950), hành, tỏi, maltodextrin, rau sấy (cà rốt, hành lá, lá hẹ), giả thịt (từ đậu nành), hỗn hợp bột (bột tiêu, bột ớt, bột tỏi), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất làm dày (1422, 415), chiết xuất nấm men, bột tôm khô chiết xuất (4,1 g/kg), sữa bột gầy, ớt, chất bảo quản (202, 211), chất tạo màu (màu tổng hợp (150d), màu tự nhiên (160c(i), 100(i))), sả, nước xương hầm (1 g/kg), chất điều chỉnh độ acid (330), chất chống đông vón (551), chất chống oxy hóa (319).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:



8 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì của sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Đối với quy cách đóng gói dạng gói: chất liệu bao bì gói là OPP/MCPP; chất liệu bao bì gói gia vị là OPP/PEMB/MPET//LLDPE; PET//MPET//LLDPE; PET//PE//LLDPE; PET//PEMB//MPET//PE phù hợp theo quy định hiện hành về vệ sinh an toàn đối với bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Đối với quy cách đóng gói dạng thố: chất liệu bao bì thố là giấy PE và giấy duplex; chất liệu bao bì gói gia vị là OPP/PEMB//MPET//LLDPE; PET//MPET//LLDPE; PET//PE//LLDPE; PET//PEMB//MPET//PE phù hợp theo quy định hiện hành về vệ sinh an toàn đối với bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Khối lượng tịnh: 55 g, 60 g, 65 g, 68 g, 73 g, 80 g, 83 g, 85 g, 88 g, 90 g, 95 g, 100 g.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty TNHH Công nghệ Thực phẩm Châu Á miền Nam.

Lô đất số 102/103, số 8, đường số 5, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore III (VSIP III), phường Tân Uyên, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kí hiệu: VS

(Địa chỉ cơ sở sản xuất được kí hiệu như trên, in gần thông tin NSX-HSD)

Ví dụ: DD/MM/YY VS (VS là kí hiệu và tên địa chỉ cơ sở sản xuất).

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2026



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC
Ngô Trọng Hùng





PHỤ LỤC 01

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM.

(Đính kèm ban TỰ CÔNG BỐ SỐ 11/TPCAMN/2026)

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NHÓM SẢN PHẨM TỪ GẠO ĐÃ CHẾ BIẾN	SỐ TCCS: 11/TPCAMN/2026
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á MIỀN NAM	CUNG ĐÌNH HỮU TIỂU HƯƠNG VỊ NAM VANG	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Trạng thái: Vắt sợi nguyên vẹn, sợi đều, không gãy, không vỡ. Các gói gia vị bên trong nguyên vẹn, đầy đủ.

Màu sắc: Sợi trắng đục hoặc trắng ngà, gói xốt bên trong màu nâu đỏ.

Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng, vị ngon, không có mùi vị lạ.

1.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm của vắt sợi	% khối lượng	≤ 14
2	Năng lượng	kcal/100g	$239 \div 444$
3	Hàm lượng chất đạm của sản phẩm	g/100g	$3,4 \div 6,4$
4	Hàm lượng carbohydrat của sản phẩm	g/100g	$43,9 \div 81,5$
5	Hàm lượng chất béo của sản phẩm	g/100g	$5,4 \div 10$
6	Hàm lượng chất béo bão hòa của sản phẩm	g/100g	$2 \div 4,7$
7	Hàm lượng đường tổng số	g/100g	$1,6 \div 3,7$
8	Hàm lượng Natri	mg/100g	$1848 \div 3432$



1.3. Chỉ tiêu vi sinh vật: tuân theo Tiêu chuẩn nhà sản xuất

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^3$
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^6$
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	$\leq 10^3$
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
7	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	$\leq 10^2$

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (tuân theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế dành cho nhóm sản phẩm ngũ cốc)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,4$

1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm: (tuân theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm các loại ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm cả sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến; ngũ cốc sử dụng làm thực phẩm, các sản phẩm ngũ cốc (đã và chưa qua chế biến)).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Hàm lượng aflatoxin B1	ppb	≤ 2
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	ppb	≤ 4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	ppb	≤ 3



AR-26-VD-202264-02 / EUVNHC-00452612- Trang : 1 / 2

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á MIỀN NAM

Lô đất số 102/103, Số 8, Đường Số 5, Khu Công Nghiệp Việt Nam -Singapore III (VSIP III), Phường Tân Uyên
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : YJ6S2607290325-HN-CB-TA

Mã số mẫu : 743-2026-00200409

Mã số Eol :

005-32410-866587

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

CUNG ĐÌNH HỮU TIỂU HƯƠNG VỊ NAM VANG

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

30/07/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

31/07/2026 - 05/08/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 05/08/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	1.16
2	VD165 VD (a) Béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	7.71
3	VW066 VW (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	4.91
4	VW07W VW (a) Tro	%	N79-R-RD1-TP-9759 (2022) (Ref. TCVN 7765:2007 & TCVN 4071: 2009 & TCVN 5484:2002 & TCVN 9474:2012)	6.18
5	VW083 VW (a) Độ ẩm	%	N79-R-RD1-TP 9762 (2022) (Ref. ISO 712:2009 & TCVN 8135: 2009 & TCVN 4069: 2009)	17.3
6	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	62.69
7	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	2.65
8	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
9	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
10	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
12	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	2.65
13	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	2640
14	VDSZT VD (a) Chất béo bão hoà	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	3.37



AR-26-VD-202264-02 / EUVNHC-00452612- Trang : 2 / 2

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00200409

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	342

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcHoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 18/08/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 18/08/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố nằm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-26-VD-202264-01/743-2026-00200409, xuất ngày 06/08/2026; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





AR-26-VD-201832-02 / EUVNHC-00452612- Trang : 1 / 2

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á MIỀN NAM

Lô đất số 102/103, Số 8, Đường Số 5, Khu Công Nghiệp Việt Nam –Singapore III (VSIP III), Phường Tân Uyên
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : YJ6S2607290325-HN-CB-TA

Mã số mẫu : 743-2026-00200408

Mã số Eol :

005-32410-866588

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

CUNG ĐÌNH HỮU TIỂU HƯƠNG VỊ NAM VANG

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

30/07/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 05/08/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

30/07/2026 - 04/08/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW014 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
5	VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VW025 VW (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
7	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	7.0x10 ²
8	VW1P9 VW Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	cfu/ g	N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo. AOAC 2014.05)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VW0AD VW (a) Độ ẩm (vắt m)	%	TCVN 7879:2008	10.4
10	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết(<0.03)
11	VW067 VW (a) Ochratoxin A	µg/ kg	N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)	Không phát hiện (LOD=0.5)
12	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
13	VWHGN VW (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	N79-R-RD1-TP 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003 & TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng	µg/ kg	N79-R-RD1-TP 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003 & TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.





AR-26-VD-201832-02 / EUVNH-00452612- Trang : 2 / 2

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00200408

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Ly Hoàng Hải
Trưởng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 18/08/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 18/08/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN, A39, N79, EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-26-VD-201832-01/743-2026-00200408, xuất ngày 06/08/2026; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)



[illegible]



41.7cm

34cm

11 x 11 cm



THÙNG THỐ HỦ TIẾU
410 x 292 x 193

